

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2019/HNGĐ-ST.

Ngày 13-6-2019.

V/v ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Ngọc Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Đức;

2. Ông Ngô Minh Lý.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Hảnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Lớn - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 119/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2019 về “Ly hôn”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2019/QĐXX-ST ngày 29 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu R, sinh năm 1974; có mặt.

Địa chỉ: Ấp L, xã G, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1972; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp L, xã G, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu R trình bày:

Chị và anh T chung sống với nhau vào năm 1991, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G vào năm 2002. Vợ chồng có cuộc sống tự lập. Cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T mất lòng tin với chị về tình cảm nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Tháng 8-2018, anh T thuê nhà trọ sống và vợ chồng tự sống ly thân đến nay. Nay chị yêu cầu được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung: Nguyễn Thiện Đ, sinh ngày 13-3-1992 và Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 09-9-2000. Khi ly hôn, chị

không yêu cầu Tòa giải quyết việc nuôi dưỡng con chung vì các con chung đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Theo các lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Thanh T trình bày:

Nhận thấy, anh T thừa nhận lời trình bày của chị R về thời gian chung sống, có đăng ký kết hôn, thời gian ly thân, con chung, tài sản chung, nợ chung là đúng. Nguyên nhân vợ chồng xảy ra mâu thuẫn là do anh nghi ngờ chị R có tình cảm với người đàn ông khác. Nay anh đồng ý ly hôn chị R.

Về con chung: Khi ly hôn, anh không yêu cầu Tòa giải quyết việc nuôi dưỡng con chung vì các con chung đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xem xét, quyết định:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thu R yêu cầu được ly hôn anh Nguyễn Thanh T.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Thanh T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị R và anh T chung sống với nhau vào năm 1991, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G vào năm 2002. Do đó, hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và tự sống ly thân từ tháng 8-2018 đến nay. Nay chị R yêu cầu ly hôn và anh T cũng đồng ý ly hôn. Do anh T vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử không công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị R và anh T. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của chị R được ly hôn anh T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Xét thấy cháu Nguyễn Thiện Đ, sinh ngày 13-3-1992 và cháu Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 09-9-2000 đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên không đặt ra giải quyết việc nuôi dưỡng.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị R và anh T không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Như phân tích trên thì đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[6] Án phí: Chị R phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu R được ly hôn anh Nguyễn Thanh T.

2. Về con chung: Cháu Nguyễn Thiện Đ, sinh ngày 13-3-1992 và cháu Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 09-9-2000 đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên không đặt ra giải quyết việc nuôi dưỡng.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Án phí: Chị Nguyễn Thị Thu R phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016839 ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; chị R đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Báo cho chị R biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Trảng Bàng;
- Chi cục THADS huyện Trảng Bàng;
- UBND xã G;
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Lê Ngọc Dũng